TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2017/HS - ST
Ngày: 11/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương.

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Như; Ông Lò Văn Lâm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lương Thị Mỹ Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Trưởng - Kiểm sát viên

Ngày 11/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2017/TLST - HS ngày 26/7/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2017/QĐXXST - HS ngày 28/7/2017 đối với các bị cáo:

1. Vàng Thị S (tên gọi khác: Không) - sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Bản Mít Nọi, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vàng A Khày (đã chết) và bà Tráng Thị Sông sinh năm: 1929; có chồng Tráng A Phía sinh năm 1965 và có 05 con đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/5/2017 tạm giam từ ngày 05/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu. (có mặt)

2. Tráng A P (tên gọi khác: Không) - sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Bản Mít Nọi, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tráng A Phía và bà Vàng Thị S; có vợ Vàng Thị Cu sinh năm 1987 và có 04 con , con lớn nhất 10 tuổi con nhỏ nhất 04 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/5/2017 tạm giam từ ngày 05/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu. (có mặt)

Người phiên dịch cho các bị cáo: Ông Giàng A P1

Địa chỉ: Khu 2 thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào dịp tết nguyên đán năm 2017 Vàng Thị S đi chơi và gặp một người đàn ông không quen biết, qua nói chuyện S hỏi người đàn ông đó có Thuốc phiện để bán không, nhưng người đàn ông đó nói hiện tại chưa có và hẹn khi nào có sẽ liên lạc sau đó Vàng Thị S và người đàn ông đó cho nhau số điện thoại di động. Đến sáng ngày 01/5/2017 S nhận được điện thoại của người đàn ông đó báo đã có Thuốc phiện, nếu mua thì hẹn gặp giao dịch tại Nghĩa trang huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái, S đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày S sang nhà con trai Tráng A P và nói với con trai là chở mẹ (Vàng Thị S) đi sang Mù Cang Chải để mua Thuốc phiện về sử dụng, P đồng ý. Đến khoảng 15 giờ chiều cùng ngày P lấy xe mô tô chở S sang huyện Mù Cang Chải để đi tìm mua Thuốc phiện. Khi sang đến Mù Cang Chải P có đưa tiền 500.000 đồng cho mẹ (S) nhờ mua cuộn vải, S mua hết 440.000 đồng còn thừa 60.000 đồng trả lại cho P. Sau đó P điều khiển chở S đến khu nghĩa trang Mù Cang Chải để trao đổi mua bán thuốc phiện, khi đi đến nghĩa trang P đứng trên đường còn S xuống nghĩa trang gặp người đàn ông như đã hẹn để mua bán Thuốc phiện. S mua của người đàn ông đó 03 gói Thuốc phiện với giá 25 triệu đồng, sau khi mua được Thuốc phiện S cất giấu trong túi vải và vẫn ngồi ở nghĩa trang, P đợi mãi không thấy S về nên lấy điện thoại gọi cho S và lên đón S về, khi lên đến nơi S lấy Thuốc phiện ra cho P xem, P lấy đèn pin soi thì nhìn thấy trong túi đựng 03 gói thuốc phiện. Đến 4 giờ sáng ngày 02/5/2017 P điều khiển xe mô tô chở S về đến thôn Cẩm Trung xã Mường Than huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu, Công an yêu cầu dừng xe để kiểm tra nhưng P tăng ga bỏ chạy, S ngồi sau xe ném túi vải đựng Thuốc phiện xuống ven đường. Ngay sau đó P và S đã quay lại nhặt túi vải màu đen đựng Thuốc phiện giao nộp cho Công an huyện Than Uyên.

Ngày 02/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên đã tiến hành mở niêm phong vật chứng thu giữ khi bắt quả tang của Vàng Thị S, Tráng A P, sau khi cân tịnh xác định: 03 gói chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc có tổng khối lượng 569,43 gam (trong đó xác định 301,96 gam ký hiệu Mẫu số 1; 187,94 gam ký hiệu Mẫu số 2; 79,53 gam ký hiệu Mẫu số 3)

Ngày 09/5/2017 Cơ quan điều tra đã trích 3,37 gam (1,43 gam Mẫu số 1; 1,29 gam Mẫu số 2; 0,65 gam Mẫu số 3) trong tổng số 569,43 gam chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của S và P gửi giám định. Tại bản Kết luận giám định số: 188/GĐ - KTHS ngày 12/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự

Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *" 03 mẫu chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc (ký hiệu Mẫu số 1;Mẫu số 2; Mẫu số 3) thu giữ khi bắt quả tang của Vàng Thị S, Tráng A P là Thuốc phiện"*

Bản cáo trạng số: 56/CT - VKS ngày 26/7/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố các bị cáo Vàng Thị S, Tráng A P về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 điều 194 - Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Vàng Thị S là người nghiện chất ma túy, nên S đã nhờ con trai (P) lấy xe mô tô chở S đi tìm mua Thuốc phiện mục đích để sử dụng ngoài ra không có mục đích nào khác. Tuy nhiên P biết mục đích của mẹ (S) đi tìm mua Thuốc phiện với số tiền lớn 25 triệu đồng mà không ngăn cản đồng ý chở S đi mua Thuốc phiện, trên đường mang Thuốc phiện về S và P bị Công an huyện Than Uyên bắt quả tang và cân tịnh số Thuốc phiện có khối lượng là 569,43 gam. Như vậy hành vi của S và P đã đủ yếu tố cấu thành tội: " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 194 - Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội và các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, 2 điều 46 - Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng đối với bị cáo P đã tích cực giúp Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên điều tra khám phá một số vụ án mới góp phần giữ gìn An ninh trật tự xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q khoản 1 điều 46 - Bộ luật hình sự năm 1999

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng điểm e khoản 2 điều 249 - Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1,2 điều 46, điều 20,53 - Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo Vàng Thị S.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng điểm e khoản 2 điều 249 - Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p, q khoản 1,2 điều 46, điều 47, điều 20, điều 53 - Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáoTráng A P.

Xử phạt bị cáo Vàng Thị S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Tráng A P 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm và nhất trí với bản cáo trạng, luận tội và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên các bị cáo đã vi phạm pháp luật, và cũng thấy hối hận về hành vi của mình, bị cáo P đã giúp đỡ Cơ quan điều tra khám phá ra một số vụ án mới rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Vàng Thị S là người nghiện chất ma túy mục đích mua Thuốc phiện về để sử dụng, nên ngày 01/5/2017 S sang nhà con trai là Tráng A P nhờ chở đi mua Thuốc phiện và P đồng ý. P lấy xe mô tô chở mẹ là (Vàng Thị S) đi sang huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái để mua Thuốc phiện, khi đi đến nghĩa trang huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái thì P đứng trên đường đợi còn S đi lên ngĩa trang huyện Mù Cang Chải gặp một người đàn ông đã hẹn từ trước trao đổi mua bán Thuốc phiện. S mua được 03 gói Thuốc phiện với giá 25 triệu đồng, sau khi mua được Thuốc phiện S đưa cho P xem, P lấy đèn pin soi thì thấy 03 gói Thuốc phiện và bảo S cất giấu trên người. Trên đường mang Thuốc phiện về S và P bị Công an huyện Than Uyên bắt quả tang và cân tịnh số Thuốc phiện có khối lượng là 569,43 gam. Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định, kết luận giám định khẳng định là " Thuốc phiện ".

Đánh giá hành vi của các bị cáo HĐXX nhận thấy: Bị cáo Vàng Thị S chủ động liên hệ để đi tìm mua Thuốc phiện, Vàng Thị S đã mua 03 gói Thuốc phiện với giá 25 triệu đồng, số Thuốc phiện có khối lượng là 569,43 gam. Đối với bị

cáo Tráng A P được mẹ (S) nhờ chở đi tìm mua Thuốc phiện P không ngăn cản mà đồng ý chở S đi, sau khi S mua được Thuốc phiện P có dùng đèn pin để kiểm tra Thuốc phiện và bảo S cất giấu trên người. Vì vậy bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó các bị cáo Vàng Thị S, Tráng A P đã phạm tội " *Tàng trữ trái phép chất ma túy*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo S đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo không biết chữ là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo P cũng là người dân tộc thiểu số, bị cáo không biết chữ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, Tráng A P đã tích cực giúp Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên điều tra khám phá một số vụ án mới góp phần giữ gìn An ninh trật tự xã hội. Tại bản Kết luận điều tra vụ án số: 55/KLĐT ngày 29/6/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên đề nghị Hội đồng xét xử coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy đề nghị của cơ quan điều tra là có căn cứ do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận coi đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm p, q khoản 1, 2 điều 46 - Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét về nhân thân: Cả hai bị cáo đều không có tiền án tiền sự, sống tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước. Tuy nhiên cũng cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo thành một người tốt, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đánh giá về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo S là người nghiện chất ma túy chủ động đi tìm mua Thuốc phiện về sử dụng, đối với bị cáo P do mẹ (S) nhờ chở đi tìm mua Thuốc phiện bị cáo không ngăn cản mà đồng ý chở S đi. Xét về mặt ý thức chủ quan bị cáo P đồng phạm với bị cáo S về về tội: " Tàng trữ trái

pháp chất ma túy". Trong vụ án này bị cáo S giữ vai trò chính nên mức hình phạt của bị cáo cao hơn mức hình phạt bị cáo P.

Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện kinh tế của các bị cáo còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng còn lại của vụ án là 566,06 gam Thuốc phiện là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 túi vải màu đen và 01 đèn pin là công cụ phạm tội thu giữ của bị cáo S và P xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Gionee - L800 thu giữ của Vàng Thị S và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Gionee - L800 thu giữ của Tráng A P, do các bị cáo dùng vào việc trao đổi mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về nguồn gốc số Thuốc phiện bị cáo S khai mua của một người không rõ địa chỉ ở đâu nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Cả hai bị cáo đều có giấy chứng nhận hộ nghèo là những cá nhân trong hộ thuộc khu vực đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ - TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Lai Châu, nên HĐXX xem xét miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Vàng Thị S, Tráng A P phạm tội: *" Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 điều 194 ; điểm p khoản 1, 2 điều 46; điều 20, 53 - Bộ luật hình sự năm 1999; điểm e khoản 2 điều 249 - Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo Vàng Thị S.

Áp dụng điểm g khoản 2 điều 194; điểm p, q khoản 1, 2 điều 46; điều 47; điều 20, 53 - Bộ luật hình sự năm 1999; điểm e khoản 2 điều 249 - Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo Tráng A P.

Xử phạt bị cáo Vàng Thị S 05 (năm) năm tù.

Xử phạt bị cáo Tráng A P 18 (mười tám) tháng tù.

Thời hạn thi hành hình phạt tù của các bị cáo Vàng Thị S, Tráng A P được tính từ ngày 02/5/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điều 41- Bộ luật hình sự năm 1999 và điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 566,06 gam Thuốc phiện thu giữ của các bị cáo Vàng Thị S, Tráng A P.

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đen có thêu hoa văn thu giữ của Vàng Thị S và 01 đèn pin loại sạc điện, màu xanh, có dây chun thu giữ của Tráng A P.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Gionee - L800 thu giữ của Vàng Thị S và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Gionee - L800 thu giữ của Tráng A P.

(Hiện số vật chứng đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục THADS huyện Than Uyên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2017).

3. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng cho các bị cáo Vàng Thị S, Tráng A P.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh
- VKS huyện
- THA dân sự
- Cơ quan THAHS
- THA PT
- Bị cáo
- Sở Tư pháp
- Lưu HS - TA .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**